

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/3/2024.

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Khánh.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Triệu Thị Tình;

2. Bà Lê Thị Kim Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Huế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 157/2023/ TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXX - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị M, sinh năm:1988

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm ĐC, xã BT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Nơi ở hiện nay: Thôn 5, xã Phú Long, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn NG, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Xóm ĐC, xã BT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, NG vụ liên quan: Không có.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị M trình bày như sau:

Chị và anh Trần Văn NG có tìm hiểu nhau một thời gian, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện Đ ngày 28/9/2006. Sau khi kết hôn chị và anh NG

chung sống tại nhà anh NG tại xóm ĐC, xã BT, huyện Định Hoá. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn bắt đầu xảy ra từ năm 2018. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh NG thường xuyên uống rượu về nhà chửi chửi và đánh đuổi chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau, có lần anh NG cầm dao đuổi đánh mẹ con chị, chị phải báo chính quyền địa phương đến giải quyết. Chị và gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh NG không thay đổi. Chị và anh NG sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, không còn quan tâm đến anh NG nữa, chị cương quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Chị M xác định chị và anh NG có 02 con chung là cháu Trần Thị Hà Phương, sinh ngày 01/7/2007 và Trần Thế Tiệm, sinh ngày 28/6/2010. Khi ly hôn chị M yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung đến tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh NG cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay chị có công việc và chỗ ở ổn định.

Về tài sản chung: Chị M xác định chị và anh NG tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản cho vay, khoản nợ chung: Chị M xác định chị và anh NG không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn NG có đề nghị xét xử vắng mặt. Trong quá trình giải quyết tại biên bản làm việc anh NG trình bày:

Anh và chị M được tự nguyện tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn ngày 28/9/2006 tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện Đ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại nhà anh tại xóm ĐC, xã BT. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, trong cuộc sống anh chị có những mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, dẫn đến anh chị có cãi cọ nhau. Từ tháng 3 năm 2023 chị M tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Ninh Bình sinh sống, không quan tâm đến anh và gia đình, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị M xin ly hôn, anh mong chị M suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh NG xác định, anh và chị M có 02 con chung là cháu Trần Thị Hà Phương, sinh ngày 01/7/2007 và Trần Thế Tiệm, sinh ngày 28/6/2010. Trong trường hợp chị M cương quyết xin ly hôn, anh yêu cầu chị M tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung đến tuổi trưởng thành. Anh không cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay anh hay ốm đau, không có thu nhập ổn định.

Về tài sản chung: Anh NG xác định anh và chị M tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản cho vay, khoản nợ chung: Anh NG xác định anh và chị M không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh NG không đến Tòa án làm việc, chị M đã yêu cầu Tòa án không tiếp tục hòa giải. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Trước khi nghị án, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo pháp luật tố tụng, bị đơn anh Trần Văn NG từ khi Tòa án thụ lý vụ án, anh không đến Tòa án làm việc theo quy định pháp luật về tố tụng dân sự, việc cấp giao tổng đạt văn bản tố tụng, thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục tố tụng, thực hiện quyền, NG vụ của đương sự đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, cho chị Bùi Thị M được ly hôn anh Trần Văn NG;

Về con chung: Giao 02 cháu là Trần Thị Hà Phương, sinh ngày 01/7/2007 và Trần Thế Tiệm, sinh ngày 28/6/2010 cho chị M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu Phương và Tiệm trưởng thành. Tạm hoãn NG vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh NG do chị M không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị M và anh NG đều xác định tự thoả thuận phân chia, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Về các khoản cho vay, khoản nợ chung: Chị M và anh NG đều xác định không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo đối với bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn và bị đơn trong vụ án đều có nơi cư trú tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hoá theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự nên việc xét xử có sự tham gia của Kiểm sát viên theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của anh NG: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến ngày mở phiên tòa anh NG không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã phải đến nơi cư trú của anh NG để xác minh và lập biên bản làm việc. Anh NG có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt và anh không có khiếu nại gì. Tại phiên tòa chị M không đề nghị hoãn, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt anh NG. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh NG theo Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét về quan hệ hôn nhân và về yêu cầu xin ly hôn của chị M thấy rằng:

Chị Bùi Thị M và anh Trần Văn NG quen biết và có thời gian tự nguyện tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, được đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, giữa chị M và anh NG nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh NG đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không đến tham gia phiên tòa và có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M, cho chị M được ly hôn anh NG là có căn cứ.

Về con chung: Chị M và anh NG có 02 con chung là cháu Trần Thị Hà Phương, sinh ngày 01/7/2007 và Trần Thế Tiệm, sinh ngày 28/6/2010. Từ khi ly thân chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và hiện đang cư trú, ăn ở, học tập ổn định. Để đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, khi ly hôn cần giao cả 02 con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành là có căn cứ. Về cấp dưỡng nuôi con: chị M tự nguyện không yêu cầu anh NG cấp dưỡng nuôi con chung cần được chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị M và anh NG xác định tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết

Về các khoản cho vay, khoản nợ chung: Chị M và anh NG xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; các Điều: 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị M được ly hôn anh Trần Văn NG.

2. Về con chung: Giao các cháu Trần Thị Hà Phương, sinh ngày 01/7/2007 và Trần Thế Tiệm, sinh ngày 28/6/2010 cho chị Bùi Thị M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu Phương và cháu Tiệm trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Anh Trần Văn NG có quyền, NG vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn NG vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trần Văn NG do chị Bùi Thị M tự nguyện không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và các khoản cho vay, khoản nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên lai thu số 0006151, ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh TN;
- VKSND huyện Định Hoá;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã BT, huyện Đ;
- (ĐKKH số 35 ngày 28/9/2006)
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hồng Khánh